

Bản án số: 41/2024/DS-ST  
Ngày: 30 - 5 - 2024  
V/v tranh chấp hợp đồng  
tín dụng

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Tô Uyên

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Công

2. Bà Phạm Thị Thu Yến

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Hà Giang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Bà Mai Thị Năm – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 404/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q; địa chỉ: Tầng A (tầng trệt) và Tầng B, Tòa nhà S - A P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền: Ông Lưu Duy L, bà Trần Thị T, ông Hà Văn K và bà Đậu Thị T1; cùng địa chỉ liên lạc: Tầng F, tòa nhà P, số B U, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản uỷ quyền ngày 04/10/2023). Bà T có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn P, sinh năm 1990 và bà Thái Thị Ú, sinh năm 1990; cùng địa chỉ thường trú: A2B-5-19, khu phố D, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 16/10/2023 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP Q (sau đây viết tắt là V) đã cho ông Lê Văn P và bà Thái Thị Ú vay số tiền 500.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số

5643031.22 ngày 28/03/2022; mục đích vay vốn: Thanh toán tiền nhận chuyển nhượng bất động sản tọa lạc tại thửa: 3827, tờ bản đồ số: 77, địa chỉ: **xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương**; thời hạn vay: 360 tháng. Lãi suất vay tại thời điểm giải ngân là 9.5%/năm trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3.9%/năm. Thời điểm thanh toán tiền gốc và lãi hàng tháng vào ngày 26 dương lịch hàng tháng, kỳ trả đầu tiên 26/04/2022, kỳ trả cuối 30/03/2052, mỗi kỳ trả 1,389,000 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ. Trả phí theo quy định của **V** từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngày 30/03/2022, **V** đã giải ngân cho ông **Lê Văn P** và bà **Thái Thị Ú** theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5643031(1).22 với số tiền 500,000,000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Ngoài ra, **V** còn cấp cho ông **Lê Văn P** Thẻ tín dụng số 5268873000894762 theo Đơn đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 26/05/2021. Loại thẻ được cấp: **V**, hạn mức thẻ: 30.000.000 đồng, lãi suất, phí theo Biểu phí và Điều khoản điều kiện Thẻ tín dụng từng thời kỳ.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, ông **Lê Văn P** và bà **Thái Thị Ú** đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 2843, Quyền số: 04/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/04/2022. Nội dung: Thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 3827, tờ bản đồ số: 77, địa chỉ: **xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS 484660, số vào sổ cấp GCN: CT44687 do **Sở T2**, tỉnh Bình Dương cấp ngày 31/10/2019 cập nhật chuyển nhượng cho ông **Lê Văn P** ngày 19/04/2022. Hợp đồng thế chấp đã được đăng ký đảm bảo theo quy định.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông **Lê Văn P** và bà **Thái Thị Ú** đã vi phạm nội dung thỏa thuận đã ký Theo đó, khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 5643031.22 ngày 28/03/2022 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 26/5/2023; khoản vay của Đối với Đơn đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 26/05/2021 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 04/02/2023. Ngày 05/9/2023, **V** đã thông báo cho ông **P** và bà **Ú** về việc thu hồi toàn bộ dư nợ khoản vay và chuyển nợ quá hạn. Ngày 04/10/2023, **V** đã ban hành Quyết định thu hồi toàn bộ khoản vay và xử lý tài sản đảm bảo. Đến ngày 13/10/2023, sau khi hoàn tất các thủ tục để xem xét chuyển nợ quá hạn, **V** đã chuyển toàn bộ khoản vay và lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng và Thẻ tín dụng sang nợ quá hạn và đang xếp loại nợ nhóm 4 là nợ xấu theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 11/2021/TT-NHNN của **Ngân hàng N**.

Tính đến ngày 20/3/2024, ông **Lê Văn P** và bà **Thái Thị Ú** đã trả cho **V** số tiền như sau:

Đối với Hợp đồng tín dụng số 5643031.22 ngày 28/03/2022, đã trả: 70,327,189 đồng (trong đó: nợ gốc 18,057,000 đồng, nợ lãi 52,270,189 đồng).

Tính đến ngày 20/3/2024, số tiền ông **Lê Văn P** và bà **Thái Thị Ú** còn nợ **Ngân hàng TMCP Q** tổng số tiền là: 693.893.345 đồng (Trong đó: nợ gốc: 546.701.427 đồng, lãi trong hạn: 34.057.732 đồng, lãi quá hạn: 76.682.131 đồng, phí: 36.452.055 đồng,

Cụ thể như sau:

+ Đối với Hợp đồng tín dụng số 5643031.22 ngày 28/03/2022, tổng số tiền: 566.740.912 đồng. Trong đó, nợ gốc: 481.943.000 đồng, lãi trong hạn: 34.057.732 đồng, lãi quá hạn: 50.740.180 đồng.

+ Đối với Đơn đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 26/05/2021: tổng số tiền: 127.152.433. Trong đó, nợ gốc: 64,758,427 đồng, lãi trong hạn: Không tính, lãi quá hạn: 25.941.951, phí: 36.452.055 đồng.

VIB đã nhiều lần liên hệ với ông **P** và bà **Ú** để bàn bạc về hướng trả nợ, tuy nhiên ông **P** và bà **Ú** không hợp tác, ảnh hưởng đến quyền lợi của **V**. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau:

1. Buộc ông **Lê Văn P** và bà **Thái Thị Ú** phải thanh toán cho **Ngân hàng TMCP Q** số tiền tạm tính đến ngày 20/3/2024 là: 693.893.345 đồng (Trong đó: nợ gốc: 546.701.427 đồng, lãi trong hạn: 34.057.732 đồng, lãi quá hạn: 76.682.131 đồng, phí: 36.452.055 đồng.

2. Buộc ông **Lê Văn P** và bà **Thái Thị Ú** phải tiếp tục thanh toán tiền lãi suất phát sinh kể từ ngày 31/3/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số 5643031.22 ngày 28/03/2022; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5643031(1).22 ngày 30/03/2022 và Đơn đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 26/05/2021.

3. Trường hợp ông **Lê Văn P** và bà **Thái Thị Ú** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho **Ngân hàng V** thì **Ngân hàng V** được quyền yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp cho **Ngân hàng V** theo Hợp đồng thế chấp số 6621146.22.679 ngày 20/04/2022. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 3827, tờ bản đồ số: 77, tọa lạc tại **xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: Cs 484660, số vào sổ cấp GCN: CT44687 do **Sở T2**, tỉnh Bình Dương cấp ngày 31/10/2019 cập nhật chuyển nhượng cho ông **Lê Văn P** ngày 19/04/2022.

Nếu số tiền phát mãi tài sản bảo đảm không đủ để thu hồi khoản nợ thì ông **Lê Văn P** và bà **Thái Thị Ú** phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho **Ngân hàng V**.

Nguyên đơn không yêu cầu gì khác.

Nguyên đơn thống nhất với biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 12/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An.

Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu gì khác.

*Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp gồm: Hợp đồng tín dụng số 5643031.22 ngày 28/03/2022; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5643031(1).22 ngày 30/03/2022; Phiếu giải ngân ngày 30/03/2022; Đơn đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 26/05/2021; Hợp đồng thế chấp số 6621146.22.679 ngày 20/04/2022; hồ sơ đăng ký giao dịch bảo đảm và một số tài liệu có liên quan đến việc khởi kiện.*

\* Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng vẫn không đến làm việc cũng như không ủy quyền cho ai đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

#### ***Tại phiên tòa:***

Nguyên đơn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu bị đơn phải trả một lần tổng tiền gốc cùng tiền lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 5643031.22 ngày 28/03/2022 và Thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 26/05/2021 tính đến ngày xét xử là 30/5/2024 là: 717.252.199 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 546.701.427 đồng, lãi trong hạn: 34.057.732 đồng, lãi quá hạn: 99.907.297 đồng, phí: 36.585.743 đồng,

Cụ thể như sau:

+ Đối với Hợp đồng tín dụng số 5643031.22 ngày 28/03/2022, tổng số tiền: 589.099.766 đồng. Trong đó, nợ gốc: 481.943.000 đồng, lãi trong hạn: 34.057.732 đồng, lãi quá hạn: 73.099.034 đồng.

+ Đối với Đơn đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 26/05/2021: tổng số tiền: 128.152.433. Trong đó, nợ gốc: 64,758,427 đồng, lãi trong hạn: Không tính, lãi quá hạn: 26.808.263, phí: 36.585.743 đồng.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi nghiên cứu tài liệu có tại hồ sơ vụ án, thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Lê Văn P và bà Thái Thị Ú có địa chỉ thường trú tại: Phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An theo quy định tại Khoản 3, Điều 26; các Điều 35, Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng quy định tại các Điều 177, 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng không tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự và xem như bị đơn đã từ bỏ quyền chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 28/03/2022 giữa Ngân hàng TMCP Q và ông Lê Văn P và bà Thái Thị Ú có ký kết Hợp đồng tín dụng số 5643031.22, vay số tiền 500.000.000 đồng, mục đích vay để Thanh toán tiền nhận chuyển nhượng bất động sản tọa lạc tại thửa: 3827, tờ bản đồ số: 77, địa chỉ: xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Ngày 30/3/2022, ông Lê Văn P và bà Thái Thị Ú đã được ngân hàng giải ngân số tiền trên thẻ hiện Phiếu giải ngân cùng ngày. Đồng thời, V còn cấp cho ông Lê Văn P Thẻ tín dụng số 5268873000894762 ngày 26/5/82021. Do đó, có cơ sở xác định Ngân hàng TMCP Q có cho ông Lê Văn P và bà Thái Thị Ú vay số tiền 500.000.000 đồng. Ông Lê Văn P và bà Thái Thị Ú đã nhận được toàn bộ số tiền giải ngân theo thỏa thuận cũng như việc phát sinh các khoản vay theo Thẻ tín dụng số 5268873000894762. Do đó, quyền lợi và nghĩa vụ giữa hai bên phát sinh từ các hợp đồng tín dụng nêu trên.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Lê Văn P và bà Thái Thị Ú đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nợ cho ngân hàng theo thỏa thuận, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn, cụ thể như sau:

Tính đến ngày 20/3/2024, ông Lê Văn P và bà Thái Thị Ú đã trả cho V số tiền như sau: Đối với Hợp đồng tín dụng số 5643031.22 ngày 28/03/2022, đã trả: 70,327,189 đồng (trong đó: nợ gốc 18,057,000 đồng, nợ lãi 52,270,189 đồng). Từ đó đến nay, ông P và bà Ú không trả thêm bất cứ khoản tiền nào. Như vậy, căn cứ theo Khoản 4.1 Điều 4 của Hợp đồng tín dụng số 5643031.22 ngày 28/03/2022 thì V yêu cầu giải quyết thu hồi nợ trước hạn là có cơ sở.

Đối với phần tính lãi, các bên thỏa thuận tại Điều 1 của Hợp đồng tín dụng số 5643031.22 ngày 28/03/2022 và Điều 2 của Đơn đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ số 5643031(1).22 ngày 30/03/2022. Xét thấy, mức thỏa thuận lãi suất của các bên phù hợp với Khoản 1, Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng N.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông **Lê Văn P** và bà **Thái Thị Ú** trả tổng số tiền đến thời điểm xét xử là 717.252.199 đồng là có căn cứ.

[2.3] Đối với yêu cầu phát mãi tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 2843, Quyền số: 04/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/04/2022: Tại hợp đồng thế chấp ông **Lê Văn P** và bà **Thái Thị Ú** thống nhất việc dùng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 3827, tờ bản đồ số: 77, địa chỉ: **xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS 484660, số vào sổ cấp GCN: CT44687 do **Sở T2**, tỉnh Bình Dương cấp ngày 31/10/2019 cập nhật chuyển nhượng cho ông **Lê Văn P** ngày 19/04/2022 để đảm bảo cho khoản vay cũng như các khoản lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng và Thẻ tín dụng nêu trên khi bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Xét thấy, việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp Điều 342, 343, 344 Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ tất cả khoản nợ nêu trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Từ nhận định trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn phải chịu

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Khoản 3, Điều 26; Điểm a, Khoản 1, Điều 35; Điều 36; Điểm a, Khoản 1, Điều 39; Khoản 1, Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 463; Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 2, Điều 91 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010; Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 về hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q** đối với bị đơn ông **Lê Văn P** và bà **Thái Thị Ú** về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

### 1.1 Về nghĩa vụ trả nợ:

Buộc ông **Lê Văn P** và bà **Thái Thị Ú** phải liên đới trả cho ông **Lê Văn P** và bà **Thái Thị Ú** tổng số tiền 717.252.199 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 546.701.427 đồng, lãi trong hạn: 34.057.732 đồng, lãi quá hạn: 99.907.297 đồng, phí: 36.585.743 đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 5643031.22 ngày 28/03/2022 và Thẻ tín dụng số 5268873000894762.

### 1.2. Về lãi suất:

Buộc ông **Lê Văn P** và bà **Thái Thị Ú** tiếp tục liên đới thanh toán cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q** tiền lãi suất phát sinh từ ngày 31/5/2024 đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ.

Lãi suất từ ngày 31/5/2024 trở đi được tính trên dư nợ gốc thực tế theo mức lãi suất quy định tương ứng tại theo Hợp đồng tín dụng số 5643031.22 ngày 28/03/2022, Khế ước nhận nợ số 5643031(1).22 ngày 30/03/2022 và Đơn đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 26/05/2021.

### 1.3. Về phát mãi tài sản:

Trường hợp ông **Lê Văn P** và bà **Thái Thị Ú** không thanh toán nợ cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q** số tiền phải thanh toán theo thoả thuận nêu trên thì **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q** có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 3827, tờ bản đồ số: 77, địa chỉ: **xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS 484660, số vào sổ cấp GCN: CT44687 do **Sở T2**, tỉnh Bình Dương cấp ngày 31/10/2019 cập nhật chuyển nhượng cho ông **Lê Văn P** ngày 19/04/2022 theo Hợp đồng thế chấp số 6621146.22.679 ngày 20/04/2022 để thu hồi nợ.

### 2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Ông **Lê Văn P** và bà **Thái Thị Ú** phải liên đới chịu 4.000.000 đồng. Do **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q** đã nộp đủ nên Ông **Lê Văn P** và bà **Thái Thị Ú** có nghĩa vụ hoàn trả lại cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q**.

### 3. Về án phí:

Ông **Lê Văn P** và bà **Thái Thị Ú** phải liên đới chịu 32.690.088 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q** không phải chịu án phí. Trả lại **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q** số tiền 14.397.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000839 ngày 15/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BD;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Lưu: HS, AV.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Tố Uyên**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THUẬN AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2024/QĐ-SCQĐ

**T**, ngày 12 tháng 6 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH  
SỬA CHỮA, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xét thấy, cần bổ sung quyết định do có sai sót về lỗi đánh máy trong Bản án số 41/2024/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng”, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q; địa chỉ: Tầng A (tầng trệt) và Tầng B, Tòa nhà S - A P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn P, sinh năm 1990 và bà Thái Thị Ú, sinh năm 1990; cùng địa chỉ thường trú: A2B-5-19, khu phố D, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

**QUYẾT ĐỊNH:**

Sửa chữa, bổ sung Bản án số 41/2024/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương như sau:

1. Tại dòng số 10 - 15 từ trên xuống của trang số 7 có ghi: “1.1 Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc ông Lê Văn P và bà Thái Thị Ú phải liên đới trả cho ông Lê Văn P và bà Thái Thị Ú tổng số tiền 717.252.199 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 546.701.427 đồng, lãi trong hạn: 34.057.732 đồng, lãi quá hạn: 99.907.297 đồng, phí: 36.585.743 đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 5643031.22 ngày 28/03/2022 và Thẻ tín dụng số 5268873000894762.”

**Nay bổ sung, đính chính như sau:**

“[1.1 Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc ông Lê Văn P và bà Thái Thị Ú phải liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q tổng số tiền 717.252.199 đồng (Trong



đó: Nợ gốc: 546.701.427 đồng, lãi trong hạn: 34.057.732 đồng, lãi quá hạn: 99.907.297 đồng, phí: 36.585.743 đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 5643031.22 ngày 28/03/2022 và Thẻ tín dụng số 5268873000894762.”

2. Các phần khác của Bản án giữ nguyên.

Toà án nhân dân thành phố Thuận An thông báo đến những người tham gia tố tụng và các cơ quan hữu quan biết.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THA dân sự thành phố Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu. **Nguyễn Tô Uyên**

**THẨM PHÁN**